

Số: ~~147~~/BC-UBND

Cam Lộ, ngày 30 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO

Sơ kết đánh giá giữa kỳ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và kết quả rà soát, tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo theo Nghị quyết số 76/2014/QH13, ngày 24/6/2014 của Quốc hội

Thực hiện Công văn số 2143/UBND-VX ngày 28/5/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện đánh giá giữa kỳ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Kế hoạch số 1321/KH-SLĐTBXH-BTXH ngày 31/5/2018 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về tổ chức đánh giá giữa kỳ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và kết quả rà soát, tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo theo Nghị quyết số 76/2014/QH13, ngày 24/6/2014 của Quốc hội, UBND huyện báo cáo như sau:

I. Đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo (theo Nghị quyết số 76/2014/QH13, ngày 24/6/2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020):

1. Đánh giá thực trạng và công tác chỉ đạo, điều hành:

1.2. Thực trạng hộ nghèo trên địa bàn huyện:

Đầu năm 2016 (đầu kỳ giai đoạn 2016 - 2020) huyện Cam Lộ có tổng số: 12.056 hộ dân, trong đó có hộ nghèo: 1.324/12.056 (chiếm tỷ lệ 10,98%), bao gồm:

- Hộ dân tộc thiểu số nghèo 61/73 hộ (chiếm tỷ lệ 83,6% so với tổng số hộ tại bản Chùa); 61/252 hộ xã Cam Tuyền, chiếm tỷ lệ 24,2%; chiếm tỷ lệ 4,6% toàn huyện.

- Hộ nghèo thu nhập dưới, bằng 120 điểm: 1.032/1.324 hộ (chiếm tỷ lệ 77,9%); hộ nghèo thuộc chính sách giảm nghèo: 292/1.324 hộ (chiếm tỷ lệ 22,1%).

- Hộ nghèo có 100% thành viên thuộc đối tượng BTXH, hộ nghèo có thành viên BTXH người còn lại không có khả năng thoát nghèo: 280/1.324 (chiếm tỷ lệ 21,1%, tổng số hộ nghèo).

- Hộ nghèo phân theo chủ hộ là thành viên các đoàn thể: Hội nông dân: 378 hộ (chiếm tỷ lệ 28,5%); Hội LHPN: 288 hộ (chiếm tỷ lệ 21,8%); Đoàn thanh niên: 20 hộ (chiếm tỷ lệ 1,5%); Hội Cựu chiến binh: 33 hộ (chiếm tỷ lệ 2,5%); Hội NCT: 529 hộ (chiếm tỷ lệ 40%); Khác: 76 hộ (chiếm tỷ lệ 5,7%).

- Mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như dịch vụ y tế 63 (4,8%); BHYT: 1.105 (83,5%); trình độ giáo dục người lớn: 95 (7,2%); tình trạng đi học trẻ em: 19 (1,4%); chất lượng nhà ở: 222 (16,8%); diện tích nhà ở: 422 (31,9%); nguồn nước sinh hoạt: 348 (26,3%); hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh 829 (62,6%); sử dụng dịch vụ viễn thông: 427 (32,3%); tài sản phục vụ tiếp cận thông tin: 101 (7,6%).

- Xã có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất là xã Cam Tuyền chiếm tỷ lệ 20,62% ; thị trấn Cam Lộ có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất 5,6%.

1.2. Công tác chỉ đạo, điều hành về giảm nghèo trên địa bàn huyện:

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV nhiệm kỳ 2016 - 2020 đưa chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm từ 1,5 - 2%.

- UBND huyện đã ban hành Kế hoạch giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm bình quân từ 1,5 - 2%/năm; kiện toàn Ban chỉ đạo giảm nghèo huyện, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, phân công theo chức năng nhiệm vụ của ngành, lập kế hoạch hoạt động chi tiết để tổ chức thực hiện tốt các chính sách đối với người nghèo.

- Hướng dẫn cấp xã xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các mục tiêu giảm nghèo, phân công trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ; đề cao tính chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm cho cơ sở và tăng cường sự tham gia của người dân và thực hiện lồng ghép có hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án trên địa bàn huyện.

- Chỉ đạo BCĐ Giảm nghèo xây dựng quy định về kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình giảm nghèo. Thành lập đoàn đi kiểm tra các xã, thị trấn; mỗi xã chọn một thôn/bản/khu phố. Qua kiểm tra, giám sát, đánh giá tác động của các ngành về các chỉ số giảm nghèo như y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, tiền điện, tiền muối ăn...

2. Đánh giá kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo trên địa bàn huyện qua 3 năm triển khai (2016-2018): Hàng năm trên cơ sở Kế hoạch giảm nghèo của UBND tỉnh, từ nguồn ngân sách Trung ương, nguồn cân đối của tỉnh để thực hiện Chương trình giảm nghèo (biểu kèm theo).

2.1. Tuyên truyền, phổ biến chính sách tới đối tượng thụ hưởng:

- Công tác tuyên truyền về giảm nghèo là nhiệm vụ chung của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể. Các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo được tuyên truyền một cách liên tục, thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức trong quần chúng nhân dân, ưu tiên tập trung vào địa bàn khó khăn có tỷ lệ hộ nghèo cao như Bản Chùa (Xã Cam Tuyền).

2.2. Công tác tổ chức giám sát, kiểm tra của địa phương:

- BCĐ Giảm nghèo huyện đã ban hành đề cương theo dõi hoạt động giám sát đánh giá Chương trình mục tiêu giảm nghèo cấp xã theo định kỳ hàng năm, giữa kỳ và cuối kỳ tại địa bàn quản lý; phân công thành viên về cơ sở để hướng dẫn thực hiện đảm bảo đúng tiến độ.

- Theo Thông tư 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 về hướng dẫn quy trình kiểm tra giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Thông tư 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động-TBXH thì quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo, bổ sung hộ nghèo được tổ chức hàng năm. Ban chỉ đạo xác định đây là công tác thường xuyên bảo đảm tính chính xác; dân chủ, công khai và có sự tham gia bình xét của người dân, đây là cơ sở quan trọng để xây dựng Kế hoạch giảm nghèo phù hợp với từng địa phương.

- Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp xã đã ổn định và hoạt động hiệu quả, công tác đối thoại trực tiếp với các hộ nghèo, cận nghèo được chú trọng. Kết quả cho thấy công tác giảm nghèo luôn được UBND các xã, thị trấn quan tâm thực hiện tốt như: Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tận người dân, nhất là người nghèo, người cận nghèo; kết nối các chính sách ưu đãi của nhà nước đến với người nghèo; đã ban hành kế hoạch giảm nghèo hàng năm, giai đoạn; Quyết định thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo giảm nghèo, phân công trách nhiệm thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách địa bàn.

- Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo: Qua đối thoại cho thấy các hộ đã nắm bắt và tiếp cận được các chính sách của Đảng và Nhà nước như hỗ trợ về y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin, nước sạch vệ sinh, thông tin, tiền điện, vay vốn ưu đãi, trợ giúp pháp lý... nhờ những chính sách được giải quyết kịp thời nên nhiều hộ nghèo, cận nghèo an tâm ổn định cuộc sống, vươn lên thoát nghèo.

3. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo trên địa bàn huyện:

3.1. Chính sách hỗ trợ về y tế cho người nghèo:

- Công tác chăm lo sức khỏe cho người nghèo, cận nghèo luôn được quan tâm thực hiện, từ việc cấp thẻ BHYT đến việc khám, chữa bệnh đảm bảo đúng đối tượng, kịp thời, giúp cho người nghèo được tiếp cận các dịch vụ y tế và hưởng chính sách khám chữa bệnh miễn phí, góp phần nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Công tác khám chữa bệnh trên địa bàn huyện đã đáp ứng được nhu cầu nguyện vọng của nhân dân. Cơ sở hạ tầng, máy móc, thiết bị y tế được nâng cấp; Đội ngũ y - bác sỹ đảm bảo kỹ năng nghiệp vụ để phục vụ tốt công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân.

- Đảm bảo 100% người nghèo đều có thẻ BHYT do ngân sách địa phương chi trả, số người nghèo được cấp thẻ BHYT năm 2016 là 9.207 người, tổng số tiền hỗ trợ là 1.929 triệu đồng; năm 2017 là 8.866 người, tổng số tiền hỗ trợ là 2.319 triệu đồng; năm 2018 là 6.969 người, tổng số tiền hỗ trợ là 2.122 triệu đồng.

3.2. Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo, cận nghèo:

- Việc thực hiện chính sách giáo dục giai đoạn 2016 - 2018 đối với con em hộ nghèo, cận nghèo được miễn giảm, hỗ trợ học phí, chi phí học tập và công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em được chú trọng. Tổng số tiền thực hiện cải thiện điều kiện sống và chăm lo giáo dục trẻ em cho 4.917 học sinh nghèo và đối tượng chính sách khác là 2.672 triệu đồng.

- Thông qua việc hỗ trợ giáo dục cho học sinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo đã góp phần nâng cao tỷ lệ huy động học sinh đến trường, giúp các em yên tâm trong học tập.

3.3. Chính sách hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo:

- Thực hiện Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 18/8/2014 và Quyết định 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ nhà ở, thông qua nguồn vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội, nhiều gia đình đã xây dựng nhà mới khang trang. Giai đoạn 2016-2018 toàn huyện có 31 hộ nghèo được hỗ trợ về nhà ở với tổng số tiền giải ngân là 775 triệu đồng.

- Ngoài ra, thông qua việc huy động các nguồn lực khác, từ năm 2016 - 2018 trên địa bàn huyện đã xây mới 19 ngôi nhà (10: UBMT huyện, 07: HCTĐ, 01: CCB, 01: ĐTN, 01 NHTMCP Đầu tư và PTVN) với tổng số tiền 797 triệu đồng.

3.4. Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đồng bào DTTS:

- Trợ giúp pháp lý trực tiếp cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm: cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người nghèo, sinh hoạt CLB trợ giúp pháp lý để giải quyết những vướng mắc, cung cấp thông tin pháp lý cho người nghèo, đồng bào DTTS tại Cam Tuyền; Thực hiện 13 lượt đăng ký khai sinh, chứng thực và các công tác tư pháp - hộ tịch khác cho người nghèo, đồng bào DTTS tại các xã, thị trấn với hơn 1.410 người tham gia.

- Các cấp uỷ Đảng, chính quyền, UBMT, các đoàn thể bằng nhiều hình thức khác nhau đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng về các chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước ban hành liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người dân đặc biệt là người nghèo, các đối tượng chính sách.

3.5. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm cho lao động nghèo:

- Bằng sự huy động nguồn lực từ các cấp, ngành, đơn vị, tổ chức xã hội để tổ chức dạy nghề cho lao động nông, trong 3 năm (2016 - 2018), đã mở 51 lớp cho 1.470 học viên tham gia với kinh phí 2.019,4 triệu đồng (*cụ thể năm 2016: 13 lớp với 337 học viên; năm 2017: 17 lớp với 479 học viên; năm 2018 dự kiến: 21 lớp với 654 học viên*); trong đó: 85 người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số (60: Hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số, 25: hộ CN) với các ngành nghề: May, Mộc dân dụng, nề, cạo mũ cao su, chăn nuôi gia súc, gia cầm, trồng cây dược liệu, cơ khí, làm chổi đót...

3.6. Chính sách tín dụng ưu đãi:

- Thực hiện Chương trình hỗ trợ vốn vay ưu đãi, trong 3 năm qua, BDD NHCSXH huyện thực hiện tốt tín chấp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn cụ thể:

+ Giải ngân các nguồn vốn vay ưu đãi hộ nghèo, cận nghèo, nước sạch và vệ sinh môi, vốn giải quyết việc làm theo Quyết định 120, vay hỗ trợ đi xuất khẩu lao động, vay sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn... công tác quản lý, giám sát chặt chẽ, đúng đối tượng nhằm đảm bảo vốn vay được sử dụng hiệu quả.

+ Tín dụng ưu đãi đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn được triển khai kịp thời, tạo điều kiện cho HSSV có điều kiện theo học, nhiều sinh viên ra trường có việc làm ổn định góp phần cải thiện cuộc sống (*chi tiết ở phụ lục kèm theo*).

- Thông qua các nguồn vốn vay ưu đãi, hầu hết hộ nghèo, cận nghèo đã phát huy và sử dụng vốn vay hiệu quả, nhiều hộ vươn lên thoát nghèo bền vững.

II. Đánh giá tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững qua 3 năm (2016-2018):

1. Đánh giá chung:

- Những năm qua, cùng với sự phát triển KT-XH, công tác giảm nghèo của huyện thực sự trở thành nhiệm vụ chính trị quan trọng của các cấp uỷ Đảng, chính

quyền, Mặt trận, đoàn thể. Huyện Cam Lộ đã triển khai công tác giảm nghèo, xác định đây là chương trình lớn thể hiện quyết tâm cao, huy động được các cấp, ngành, lồng ghép với các chương trình, cuộc vận động lớn được nhân dân đồng tình ủng hộ. Những kết quả đạt được tạo sự tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước của nhân dân.

- Các chính sách, giải pháp giảm nghèo được thực hiện lồng ghép, thông qua đối thoại gặp mặt các chủ hộ đăng ký thoát nghèo, chủ hộ đã thoát nghèo để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng. Phối hợp với các Hội đoàn thể ký cam kết giảm nghèo thuộc cấp Hội quản lý thông qua sự hỗ trợ như: Vốn vay ưu đãi; nhà ở; Hướng dẫn, hỗ trợ người nghèo phát triển kinh tế, điển hình là giúp hộ nghèo, cận nghèo tham gia mô hình trồng dưa, cây dược liệu góp phần nâng cao thu nhập, thoát nghèo bền vững.

- *Về mục tiêu:* Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 phù hợp với điều kiện của địa phương, đảm bảo giảm tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo theo mục tiêu đã đề ra.

- *Về đối tượng:* Đảm bảo 100% hộ nghèo, cận nghèo được hưởng các chế độ chính sách an sinh xã hội, trong đó huyện đã tập trung chỉ đạo phân loại các đối tượng ưu tiên như thu nhập, mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đối tượng phụ nữ, trẻ em khuyết tật để có giải pháp can thiệp giúp đỡ kịp thời khi gặp khó khăn.

- *Về công tác chỉ đạo, điều hành:* Thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 - 2020; Nghị quyết số 76/2014/QH13; Các văn bản chỉ đạo của cấp trên; Căn cứ Nghị quyết của Huyện ủy, HĐND huyện, hàng năm UBND huyện chỉ đạo Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững cụ thể: Từ năm 2016 - 2018, đã ban hành 08 kế hoạch, 07 quyết định, 03 chương trình ký kết với các Hội đoàn thể và UBND các xã, thị trấn về phối hợp thực hiện Chương trình giảm nghèo, 11 công văn, 01 hướng dẫn, 03 thông báo phân công thành viên Ban chỉ đạo phụ trách địa bàn.

2. Kết quả bố trí vốn cho các dự án giảm nghèo:

Kết quả thực hiện Tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện thuộc Chương trình 135 và ngoài Chương trình 30a về Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững được triển khai tại Bản Chùa (xã Cam Tuyền), năm 2017 triển khai toàn huyện, cụ thể:

2.1. Chương trình 135 (Bản Chùa, xã Cam Tuyền):

- Năm 2016, thực hiện Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của UBND tỉnh về việc Phân bổ vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, kế hoạch 2016, vốn bố trí cho Bản Chùa: 50 triệu đồng. Dự án thực hiện trồng rau và nuôi gà thả vườn, có 14 hộ tham gia, kinh phí thực hiện: 74,5 triệu đồng, trong đó ngân sách từ chương trình: 50 triệu đồng (67,1%), người dân đóng góp: 24,5 triệu đồng (32,9%)

- Năm 2017, thực hiện Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Phân bổ vốn Chương trình MTQG giảm nghèo 2017 (đợt 1), vốn

bố trí cho Bản Chùa: 50 triệu đồng. Dự án thực hiện: Hỗ trợ cày đất trồng dưa nguyên liệu với diện tích 12,5 ha, số hộ hưởng lợi 24 hộ, tổng kinh phí thực hiện: 1,03 tỷ đồng, trong đó chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 50 triệu đồng; kinh phí hỗ trợ theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ: 110 triệu đồng; Doanh nghiệp (bán nợ giống, phân bón) và nhân dân đóng góp: 870,270 triệu đồng.

- Năm 2018, thực hiện Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v giao chi tiết dự toán chi ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, kế hoạch 2018, vốn bố trí cho Bản Chùa: 50 triệu đồng; Nguồn vốn này bố trí thực hiện trồng cây chè vàng (hiện nay đang khảo sát, lập dự toán phê duyệt...).

2.2. Ngoài Chương trình 30a:

- Năm 2017, thực hiện Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v phân bổ vốn Chương trình MTQG giảm nghèo 2017 (đợt 1), vốn bố trí cho huyện Cam Lộ: 380 triệu đồng.

- Thực hiện Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v phân bổ vốn Chương trình MTQG giảm nghèo 2017 (đợt 2), vốn bố trí cho huyện Cam Lộ: 80 triệu đồng.

- UBND huyện triển khai các dự án:

+ Dự án Trồng cây ăn quả tại 04 xã Cam Tuyên, Cam Thủy, Cam Hiếu, Cam An có 43 hộ hưởng lợi, tổng kinh phí thực hiện: 273 triệu đồng. Trong đó chương trình MTQG: 180 triệu đồng (66%), nhân dân đóng góp: 93 triệu đồng (34%).

+ Dự án Nuôi bò nái sinh sản tại các xã Cam Thành, Cam Thanh và thị trấn Cam Lộ có 17 hộ hưởng lợi, tổng kinh phí thực hiện: 157 triệu đồng. Trong đó chương trình MTQG: 110 triệu đồng (69%), nhân dân đóng góp: 47 triệu đồng (31%).

+ Dự án Nuôi gà tại xã Cam Nghĩa có 10 hộ tham gia, tổng kinh phí thực hiện: 67 triệu đồng, trong đó chương trình MTQG: 50 triệu đồng (75%), nhân dân đóng góp: 17 triệu đồng (25%).

+ Dự án Nuôi cá tại xã Cam Chính có 07 hộ tham gia, tổng kinh phí thực hiện: 71 triệu đồng, trong đó chương trình MTQG: 50 triệu đồng (69%), nhân dân đóng góp: 21 triệu đồng (31%).

Tổng chi phí thực hiện các Dự án: 668 triệu đồng, trong đó ngân sách từ Chương trình năm 2017 (đợt 1,2): 380 triệu đồng (56,9%), nhân dân đóng góp: 288 triệu đồng (43,1%).

- Năm 2018, thực hiện Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v giao chi tiết dự toán chi ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, vốn bố trí cho huyện Cam Lộ: 400 triệu đồng hiện nay UBND huyện đã phân bổ cho các xã, thị trấn để thực hiện.

2.3. Huy động các nguồn lực thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn huyện:

Tổng huy động nguồn lực xây dựng NTM trên địa bàn huyện từ năm 2016 đến năm 2018 (dự kiến).

- Tổng nguồn huy động: 430.258 triệu đồng

+ Ngân sách Trung ương: 25.459 triệu đồng (5,9%)

+ Ngân sách địa phương: 226.947 triệu đồng (52,7%)

+ Vốn lồng ghép các chương trình, dự án: 5.817 triệu đồng (1,3%) (Nguồn vốn từ UBMTTQVN tỉnh về hỗ trợ đường giao thông, thủy lợi, xây tường rào, vốn vay không lãi, xây nhà đại đoàn kết: 3.300 triệu đồng, UBMTTQVN huyện xây dựng và sửa chữa nhà ở: 470 triệu đồng).

+ Vốn tín dụng: 11.788 triệu đồng (2,7%); vốn doanh nghiệp: 140.263 triệu đồng (32,6%), nguồn lực từ cộng đồng dân cư: 19.985 triệu đồng (4,6%)

3. Kết quả thực hiện các dự án giảm nghèo:

- Trong 3 năm (2016 - 2018), UBND huyện chỉ đạo phòng Lao động- TB&XH phối hợp với Sở Lao động- TB&XH, các đơn vị liên quan triển khai 07 lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ giảm nghèo các cấp. Nội dung tập trung vào việc giới thiệu, phổ biến các chủ trương, chính sách quy định mới của Nhà nước, của tỉnh về lĩnh vực giảm nghèo; xây dựng kế hoạch, đánh giá kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo, quy trình điều tra hàng năm; các chính sách, văn bản; ứng dụng CNTT trong quản lý hộ nghèo, cận nghèo; tập huấn rà soát hộ nghèo, cận nghèo...

- Công tác kiểm tra, giám sát chương trình giảm nghèo trên địa bàn huyện được thực hiện thường xuyên, thông qua các buổi làm việc với BCD giảm nghèo cấp xã, các buổi đối thoại để nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người dân, từ đó đưa ra những giải pháp phù hợp với từng địa phương.

- Trên cơ sở nguồn vốn được UBND tỉnh bố trí, hàng năm huyện đã bố trí nguồn đảm bảo xã hội để thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo như: giám sát, đánh giá công tác giảm nghèo, điều tra rà soát hộ nghèo, cận nghèo; tập huấn truyền thông về công tác giảm nghèo. Ngoài ra, UBMTTQVN huyện đã trích nguồn kinh phí từ "Quỹ Ngày vì người nghèo" để hỗ trợ cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, trợ cấp đột xuất, xây nhà đại đoàn kết... Tổng nguồn vốn từ năm 2016- 2018 tỉnh bố trí cho Chương trình MTQG giảm nghèo: 85 triệu đồng. Việc bố trí nguồn vốn để thực hiện cơ bản đáp ứng được các chính sách giảm nghèo. Tuy nhiên, mục tiêu và chỉ tiêu giảm nghèo đề ra với nhiều chính sách được ban hành đòi hỏi phải được cân đối với nguồn kinh phí tương ứng để tổ chức thực hiện, nhưng trên thực tế kinh phí bố trí ít nên ảnh hưởng đến mục tiêu giảm nghèo bền vững.

III. Đánh giá kết quả các mục tiêu của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn.

Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV, nhiệm kỳ 2015- 2020 về chỉ tiêu giảm nghèo hàng năm từ 1,5 -2%, (chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg, ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ) như sau:

| | Đơn vị | Năm 2016 | | Năm 2017 | | Năm 2018 | | Ghi chú |
|---|------------------|--------------|--------------|--------------|-------------|------------|-------------|---------|
| | | HN | Tỷ lệ | HN | Tỷ lệ | HN | Tỷ lệ | |
| 1 | Cam An | 100 | 7,18 | 97 | 5,90 | 90 | 5,14 | |
| 2 | Cam Thanh | 48 | 7,25 | 43 | 5,40 | 42 | 5,07 | |
| 3 | Cam Thủy | 170 | 13,98 | 130 | 9,72 | 108 | 7,83 | |
| 4 | Cam Hiếu | 185 | 12,57 | 159 | 9,48 | 99 | 5,72 | |
| 5 | Thị Trấn Cam Lộ | 96 | 5,60 | 90 | 4,99 | 70 | 3,27 | |
| 6 | Cam Tuyên | 252 | 20,62 | 258 | 19,15 | 180 | 12,96 | |
| 7 | Cam Thành | 181 | 9,64 | 127 | 5,80 | 98 | 4,43 | |
| 8 | Cam Chính | 104 | 9,26 | 63 | 4,55 | 41 | 2,92 | |
| 9 | Cam Nghĩa | 188 | 13,66 | 118 | 7,51 | 55 | 3,40 | |
| | Tổng cộng | 1.324 | 10,98 | 1.085 | 7,89 | 783 | 5,42 | |

- Năm 2018, xã có tỷ lệ nghèo cao nhất là xã Cam Tuyên chiếm 12,96 % , xã có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất so với đầu kỳ và giảm mạnh là xã Cam Chính tỷ lệ là 2,92 %; Từ năm 2016-2018, tỷ lệ hộ nghèo từ 10,98% giảm xuống còn 5,42%.

- Dự kiến kết quả rà soát cuối năm 2018 giảm 1% tương ứng 140 hộ, năm 2019 giảm 0,5% tương ứng 70 hộ (Tổng số hộ dân 14.452); tỷ lệ hộ nghèo cuối kỳ 3,92% (trong đó hộ nghèo cứng là 3,5%, còn lại 0,4% là hộ biến động do gia cảnh).

IV. Đánh giá chung:

1. Những thành công:

- Trong quá trình thực hiện các cấp Hội đoàn thể, địa phương đã có nhiều sáng kiến, cách làm hay như xây dựng các mô hình hỗ trợ giảm nghèo, hỗ trợ phát triển sản xuất, hỗ trợ vốn vay, cây con giống... đem lại hiệu quả.

- Công tác tham mưu, phối hợp kịp thời, đúng chức năng, vai trò, nhiệm vụ. Các cuộc điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo được tổ chức chặt chẽ, đúng quy định.

- Nhận thức trong nhân dân, đặc biệt là người nghèo có chuyển biến tích cực nên nhiều hộ nghèo, cận nghèo đã vươn lên thoát nghèo bền vững. Các chính sách giảm nghèo được triển khai phù hợp giúp người nghèo tiếp cận tốt hơn các dịch vụ xã hội như: y tế, văn hóa, giáo dục, vốn vay ưu đãi, trợ giúp pháp lý... để ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất.

- Huyện luôn thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện chương trình giảm nghèo. Quan tâm đầu tư hạ tầng phục vụ phát triển KT-XH, gắn với thực hiện chính sách an sinh xã hội.

- Kết quả thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm từ 1,5 – 2% đạt và vượt kế hoạch đề ra.

2. Tồn tại, hạn chế:

- Công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo ở một số thôn, bản, khu phố thực hiện chưa nghiêm; Tại một số địa phương việc xác định đối tượng được điều tra, rà soát chưa sát với thực tế nên còn thiếu khách quan trong việc xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo bổ sung.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm hàng năm, tuy nhiên chưa mang tính bền vững, nguy cơ tái nghèo vẫn còn, một số hộ mắc bệnh hiểm nghèo (bệnh tim, chạy thận nhân tạo, tai nạn rủi ro) đề nghị được bổ sung vào danh sách hộ nghèo để được hưởng BHYT.

- Công tác tuyên truyền về giảm nghèo ở một số nơi chưa được thực hiện thường xuyên, dẫn đến tâm lý các hộ nghèo trong chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, không chịu khó vươn lên thoát nghèo.

- Đa số đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp xã chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa có cán bộ chuyên trách về giảm nghèo mà kiêm nhiệm nên việc tham mưu, thực hiện chương trình giảm nghèo tại địa phương còn hạn chế.

- Kinh phí bố trí thực hiện Chương trình giảm nghèo ít nên rất khó khăn trong việc triển khai các hoạt động, nhất là đối với cấp cơ sở.

3. Bài học kinh nghiệm:

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp thực hiện thắng lợi Nghị quyết về phát triển KT-XH, QP-AN ở địa phương; làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao nhận thức về giảm nghèo, khơi dậy ý thức vươn lên trong cuộc sống.

- Gắn việc điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo với kế hoạch giải quyết việc làm hàng năm tại các địa phương, chú ý đến đối tượng hộ nghèo, cận nghèo chưa có việc làm; các ban ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội tư vấn, giới thiệu việc làm, tín chấp vay vốn phát triển sản xuất, đào tạo nghề, phát triển các mô hình kinh tế mới.

- Mở các lớp tập huấn, dạy nghề, hỗ trợ giống, vốn, trao đổi kinh nghiệm sản xuất cho người dân, nhất là hộ nghèo, cận nghèo.

- Tổ chức tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác giảm nghèo, các hộ vươn lên thoát nghèo bền vững.

V. Đề xuất, kiến nghị:

- Đề nghị các cấp ủy Đảng, Mặt trận, đoàn thể tăng cường phối hợp với các cấp chính quyền thực hiện chương trình giảm nghèo, chỉ đạo kiểm tra, giám sát công tác an sinh xã hội ở cơ sở nhằm thực hiện tốt chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững.

- Đề nghị UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các Sở ngành cấp tỉnh ưu tiên bố trí thêm kinh phí hàng năm cho công tác giảm nghèo ở cơ sở. Các cấp Hội, đoàn thể nhân rộng các hình thức hỗ trợ vốn phát triển sản xuất, tạo điều kiện cho hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận; trong quá trình thực hiện đề nghị quản lý chặt chẽ nguồn vốn vay để đảm bảo hiệu quả cao nhất.

- Đề nghị các Sở, ngành, Hội đoàn thể, địa phương thường xuyên tổ chức tập huấn, dạy nghề, hướng dẫn cách làm, “bắt tay chỉ việc” đối với hộ nghèo, cận nghèo; Phổ biến, nhân rộng các mô hình kinh tế hiệu quả, cử hội viên (nhóm hộ) giúp đỡ hộ nghèo, cận nghèo là hội viên phát triển kinh tế.

- Đề nghị các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, cơ quan, đơn vị tiếp tục tuyên truyền vận động cán bộ và nhân dân ủng hộ Quỹ “*Ngày vì người nghèo*”, “*Đền ơn đáp nghĩa*” và các hoạt động khác nhằm giúp đỡ các gia đình nghèo, cận nghèo ổn định cuộc sống.

Trên đây là báo cáo sơ kết đánh giá giữa kỳ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và kết quả rà soát, tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo theo Nghị quyết số 76/2014/QH13. UBND huyện báo cáo UBND tỉnh, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội biết để theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Quảng Trị;
- Sở LĐ-TBXH;
- TT HU, HỖND, UBMTTQ VN huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- TV BCĐ Giảm nghèo huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Chánh, PVP, CV;
- Lưu: VT, LĐXH.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Tuấn

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO GIỮA KỲ 2016-2020

(Ban hành kèm báo cáo số 149/UBND-LĐTBXH, ngày 30 tháng 8 năm 2018)

Phụ lục 1

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | năm 2016 | năm 2017 | Ước thực hiện năm 2018 | Luỹ kế đến thời điểm báo cáo (từ năm | Ghi chú |
|------------|--|---------------|-----------|----------|------------------------|--------------------------------------|---------|
| I | Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về giáo dục- đào tạo | | | | | | |
| 1 | - Tổng số học sinh được hỗ trợ | Lượt học sinh | 1.806 | 1.815 | 1.296 | 4.917 | |
| 2 | - Tổng kinh phí hỗ trợ | Tr.đ | 1.142,470 | 458,535 | 1.071,440 | 2.672,445 | |
| | Nội dung hỗ trợ bao gồm như sau: | | | | | | |
| | - Số học sinh nghèo, cận nghèo được hỗ trợ miễn giảm học phí | Lượt học sinh | 867 | 892 | 712 | 2.471 | |
| | + Số học sinh nghèo (giảm 100% học phí) | Lượt học sinh | 504 | 494 | 328 | 1.326 | |
| | + Số học sinh cận nghèo (giảm 50% học phí) | Lượt học sinh | 363 | 398 | 384 | 1.145 | |
| | Kinh phí miễn giảm học phí | Tr.đ | 252,56 | 99,625 | 360,54 | 712,725 | |
| | - Số học sinh nghèo được hỗ trợ chi phí học tập | Lượt học sinh | 939 | 923 | 584 | 2.446 | |
| | Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập | Tr.đ | 889,91 | 358,91 | 710,9 | 1.959,720 | |
| II | Chính sách hỗ trợ người nghèo về thể BHYT | | | | | | |
| 1 | Số lượt người nghèo, người thuộc hộ cận nghèo, ĐBDTTS đi khám chữa bệnh bằng thẻ BHYT | Lượt | 9.207 | 8.866 | 6.968 | 25.041 | |
| | Kinh phí thực hiện | Triệu đồng | 1.929 | 2.319 | 2.122 | 6.370 | |
| 2 | Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo | | | | | | |
| | Kinh phí từ ngân sách phân bổ cho Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo trong năm 2018 | Triệu đồng | 578,3298 | 569,0494 | 596,522 | 1.744 | |
| | Số lượt người nghèo đi khám, chữa bệnh được hỗ trợ từ Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo | Lượt | 1.267 | 1.610 | 1.220 | 4.097 | |
| | Kinh phí thực hiện hỗ trợ | Triệu đồng | 500 | 500 | 300 | 1.300 | |
| III | Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào DTTS | | | | | | |
| | Số lượt Tư vấn pháp luật cho người nghèo, đồng bào DTTS | Lượt | 6 | 5 | 4 | 13 | |
| | - Số người được tư vấn, hỗ trợ | Người | 523 | 492 | 395 | 1410 | |

| | | | | | | |
|-----------|--|------------|----------|----------|----------|----------|
| IV | Chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo về nhà ở | | | | | |
| 1 | Số hộ nghèo được hỗ trợ nhà ở theo QĐ 33/2015/QĐ-TTg | Hộ | 2 | 21 | 8 | 31 |
| - | Kinh phí thực hiện. Trong đó: | Triệu đồng | 50 | 525 | 200 | 775 |
| - | Vốn từ Ngân sách | Triệu đồng | | | | |
| - | Vốn vay từ Ngân hàng CSXH | Triệu đồng | 50 | 525 | 200 | 775 |
| - | Vốn huy động khác | Triệu đồng | | | | |
| V | Bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo, dbdtts, | | | | | |
| 1 | Số người thuộc hộ gia đình nghèo được cấp thẻ BHYT | Người | 2.880 | 2.169 | 2.061 | 7.110 |
| - | Kinh phí cấp thẻ | Triệu đồng | 1.774,32 | 1.444,24 | 1.496,58 | 4.715,14 |
| 2 | Người DTTS đang sinh sống tại vùng có điều kiện KT-XH khó khăn được cấp thẻ BHYT | Người | 253 | 256 | 271 | 780 |
| - | Kinh phí cấp thẻ | Triệu đồng | 162,41 | 173,67 | 197,09 | 533,17 |
| 3 | Người đang sinh sống tại vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn được cấp thẻ BHYT | Người | | 5 | 5 | 10 |
| - | Kinh phí cấp thẻ | Triệu đồng | | 3,39 | 3,45 | 6,84 |
| 4 | Số người thuộc hộ cận nghèo mới thoát nghèo theo QĐ 705 được cấp thẻ BHYT | Người | 1.014 | 1.394 | 1.603 | 4.011 |
| - | Phần kinh phí do nhà nước hỗ trợ mua thẻ BHYT | Triệu đồng | 897,08 | 943,42 | 1.164,34 | 3.004,84 |
| 5 | Số người thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ mua thẻ BHYT theo QĐ 797 | Người | 1.150 | 973 | 1.012 | 3.135 |
| - | Kinh phí hỗ trợ mua thẻ BHYT | Triệu đồng | 341,88 | 441,60 | 514,47 | 1.297,95 |
| VI | Chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác | | | | | |
| 1 | Chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo | | | | | |
| - | Số hộ nghèo được vay vốn | Hộ | 305 | 167 | 164 | 636 |
| - | Tổng số tiền được vay | Triệu đồng | 12.655 | 7.114 | 6.288 | 26.057 |
| - | Tổng số dư nợ | Triệu đồng | 48.082 | 41.384 | 28.968 | 118.434 |

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Ban hành kèm báo cáo số 14/UBND-LĐTBXH, ngày 30 tháng 8 năm 2018)

Phụ lục 2

| Stt | Tên dự án | Đơn vị tính | Kết quả thực hiện | | | |
|----------|---|-------------|-------------------|----------|------------------------|-----------------------|
| | | | Năm 2016 | Năm 2017 | Ước thực hiện năm 2018 | Tổng cộng (2016-2018) |
| | Tiểu dự án: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài | | | | | |
| 1 | Hỗ trợ đào tạo nghề trong tổng số lao động được hỗ trợ đào tạo | | 308 | 479 | 654 | 1441 |
| | <i>Chia theo đối tượng:</i> | | | | | 0 |
| | + Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số | Người | 11 | 23 | 26 | 60 |
| | + Lao động thuộc hộ cận nghèo | Người | 12 | 5 | 8 | 25 |
| | + Lao động thuộc các đối tượng khác | Người | 285 | 451 | 620 | 1356 |
| 2 | Tổng số lao động đã xuất cảnh | Người | 169 | 212 | 242 | 623 |
| | <i>- Chia theo đối tượng:</i> | | | | | |
| | + Lao động thuộc hộ nghèo và người dân tộc thiểu số | Người | | | | |
| | + Lao động thuộc hộ cận nghèo | Người | | | | |
| | + Lao động thuộc các đối tượng khác | Người | 169 | 212 | 242 | |
| 3 | Nâng cao năng lực cán bộ, hỗ trợ hoạt động tư vấn | | | | | |
| 3.1 | Nâng cao năng lực cán bộ | | 41 | 46 | 46 | 133 |
| | - Số lớp nâng cao năng lực được thực hiện | Lớp | 1 | 1 | 1 | 3 |
| | - Số cán bộ, tuyên truyền viên cơ sở được tập huấn nâng cao năng lực | Người | 40 | 45 | 45 | 130 |
| 3.2 | Hỗ trợ hoạt động tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | | | | | |
| | - Số người làm công tác tư vấn trực tiếp cho người lao động ở địa phương | Người | 11 | 15 | 20 | |
| | - Số buổi tuyên truyền, vận động được hỗ trợ từ ngân sách/nguồn huy động | Buổi | 11 | 15 | 20 | |

| | | | | | | |
|---|--|------------|--------|--------|--------|---------|
| 2 | Chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ cận nghèo | | | | | 0 |
| | - Số hộ cận nghèo được vay vốn | Hộ | 150 | 323 | 221 | 694 |
| | - Tổng số tiền được vay | Triệu đồng | 6.707 | 14.574 | 10.041 | 31.322 |
| | - Tổng số dư nợ | Triệu đồng | 29.704 | 39.419 | 44.771 | 113.894 |
| 3 | Chương trình cho vay tín dụng HS-SV | | | | | 0 |
| | - Số hộ được vay vốn | Hộ | 104 | 103 | 89 | 296 |
| | - Tổng số tiền được vay | Triệu đồng | 4.900 | 4.198 | 4.806 | 13.904 |
| | - Tổng số dư nợ | Triệu đồng | 38.607 | 33.015 | 29.202 | 100.824 |
| 4 | Cho vay XKLD đối với hộ nghèo | | | | | 0 |
| | - Số hộ được vay vốn | Hộ | 1 | 0 | 0 | 1 |
| | - Tổng số tiền được vay | Triệu đồng | 100 | 0 | 0 | 100 |
| | - Tổng số dư nợ | Triệu đồng | 360 | 360 | 360 | 1.080 |
| 5 | Cho vay làm nhà ở đối với hộ nghèo | | | | | 0 |
| | - Số hộ được vay vốn | Hộ | 18 | 24 | 8 | 50 |
| | - Tổng số tiền được vay | Triệu đồng | 290 | 570 | 200 | 1.060 |
| | - Tổng số dư nợ | Triệu đồng | 650 | 1.205 | 1.390 | 3.245 |
| 6 | Cho vay đối với hộ dân tộc thiểu số ĐBKK | | | | | 0 |
| | - Số hộ được vay vốn | Hộ | 30 | 0 | 0 | 30 |
| | - Tổng số tiền được vay | Triệu đồng | 276 | 0 | 0 | 276 |
| | - Tổng số dư nợ | Triệu đồng | 644 | 644 | 644 | 1.932 |
| 7 | Cho vay đối với hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn | | | | | 0 |
| | - Số hộ được vay vốn | Hộ | 163 | 136 | 194 | 493 |
| | - Tổng số tiền được vay | Triệu đồng | 7.430 | 5.997 | 8.958 | 22.385 |
| | - Tổng số dư nợ | Triệu đồng | 14.354 | 16.399 | 19.799 | 50.552 |
| 8 | Cho vay NSVSMT | | | | | 0 |
| | - Số hộ nghèo được vay vốn | Hộ | 1.023 | 823 | 1.116 | 2.962 |
| | - Tổng số tiền được vay | Triệu đồng | 12.242 | 9.844 | 13.344 | 35.430 |
| | - Tổng số dư nợ | Triệu đồng | 40.394 | 41.725 | 44.556 | 126.675 |